

TỪ “CƠ CẤU XÃ HỘI” ĐẾN “CẤU TRÚC XÃ HỘI” (Qua phân tích những bài viết trên *Tạp chí Xã hội học* từ năm 1983 đến năm 2009)

LÊ NGỌC HÙNG*

Đặt vấn đề

“*Social structure*” là một khái niệm cơ bản và quan trọng đến mức các sách giáo khoa XHH trên thế giới đều có chương, mục bàn về nó. Ở Việt Nam, khái niệm này được dịch là “Cơ cấu xã hội”¹ (CCXH) và xuất hiện lần đầu trong tên một bài viết trên *Tạp chí Xã hội học* (TCXHH) số 3/1986, rồi được dịch là “Cấu trúc xã hội”² trong tên một bài mới đăng trên TCXHH số 2/2009.

Vấn đề đặt ra ở đây không đơn giản là tên gọi mà là nội hàm khái niệm và sự hình thành, phát triển quan niệm về CCXH. Câu hỏi nghiên cứu là: khái niệm CCXH đã xuất hiện, biến đổi và phát triển như thế nào trong hơn một phần tư thế kỷ qua qua kể từ khi Viện Xã hội học (XHH) chính thức ra đời ở Việt Nam năm 1983 đến nay? Có thể tìm thấy câu trả lời qua phân tích các bài viết trên TCXHH số 1/1983 đến số ra gần đây nhất là TCXHH số 2/2009. Trong thời gian đó TCXHH đã phát hành được 106 số với hơn 1630 bài không kể các các mẫu tin hay tin tức về các hoạt động XHH. Trên tạp chí khoa học, tên một bài viết thường biểu hiện rõ ràng, cô đọng mục tiêu và nội dung của bài. Do đó, bất kỳ bài viết nào có cụm từ “cơ cấu xã hội” hoặc “cấu trúc xã hội” trong tên bài đều được chọn ra để phân tích: kết quả là từ tổng số hơn 1630 bài chọn được 43 bài trong đó 42 bài có tên “CCXH” và 1 bài có tên “Cấu trúc xã hội”.

Về phương pháp nghiên cứu, mỗi bài viết được phân tích nội dung theo chiều lịch đại và được phân vào từng giai đoạn cụ thể. Khái niệm CCXH là một khái niệm có tính lịch sử với nghĩa là nó cũng xuất hiện, vận động và biến đổi theo thời gian, do vậy, có thể áp dụng cách tiếp cận của Max Weber³ để dần dần làm sáng tỏ nội dung khái niệm này như nó đã xuất hiện, biến đổi trong hơn 20 năm qua ở Việt Nam.

Nếu cần một nhận định để bắt đầu nghiên cứu thì có thể nói rằng: khái niệm CCXH được du nhập vào Việt Nam với cách hiểu đơn giản là CCXH giai cấp, dần dần phát triển quan niệm XHH về cấu trúc xã hội như là một kiểu quan hệ phân hoá, phân tầng phức tạp, nhiều chiều cạnh của mối quan hệ giữa con người và xã hội, biểu hiện ra là một hệ thống các mối liên hệ, quan hệ tương đối bền vững của những thành tố tạo nên hệ thống xã hội nhất định.

1. CCXH và đối tượng của xã hội học ở Việt Nam năm 1986

* PGS.TS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ G. Winkler (Bùi Thế Cường dịch). “Cơ cấu xã hội và kinh tế ở Thủ đô Béc-lin”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3. 1986. Tr. 64 - 69.

² Lê Ngọc Hùng. “Động thái của cấu trúc xã hội và thuyết cấu trúc hoá của Athony Giddens”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 2. 2009. Tr. 82 - 90.

³ Max Weber. *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*. Nxb Tri thức. Hà Nội. 2008. Tr.88.

Du nhập khái niệm

Có thể ghi công đầu cho bài “*Cơ cấu xã hội và kinh tế ở thủ đô Béc-lin*” đăng trên TCXHH số 3/1986 trong việc nhập khẩu chính thức khái niệm CCXH vào Việt Nam qua con đường tạp chí khoa học. Bài viết này là một phần của báo cáo tổng kết hội nghị về “*Lối sống ở Béc-lin, thủ đô Cộng hoà dân chủ Đức*” được tổ chức vào cuối tháng 5 năm 1986 tại Béc-lin do giáo sư G. Winkler trình bày và được dịch, in trên TCXHH. Trong bài này, CCXH được hiểu là “*cơ cấu giai cấp và tầng lớp, cơ cấu học vấn và đào tạo nghề nghiệp, phần nào cả cơ cấu dân số, là biểu hiện của cơ cấu các chức năng và hoạt động của lao động*”⁴ và bị quy định bởi chức năng chính trị và kinh tế, bởi hình thức của nền sản xuất vật chất và tinh thần. CCXH của thành phố Béc-lin, thủ đô Cộng hoà dân chủ Đức đặc trưng bởi tỉ trọng cao giai cấp công nhân, mức độ tập trung cao công nhân công nghiệp, tỉ trọng cao giới trí thức và những người làm trong lĩnh vực quản lý, hành chính⁵.

Ngay sau số 3, TCXHH số 4/1986 đăng 8 bài về CCXH trong đó 6 bài của tác giả Việt Nam và hai bài của tác giả người Liên Xô là V.N. Ivanov và F.S.Fajzullin. Tương tự như nhà XHH Cộng hoà dân chủ Đức là Winkler, cả hai nhà XHH Liên Xô đều coi CCXH với cốt lõi cơ cấu giai cấp là sản phẩm của sự phân công lao động đang biến đổi nhanh chóng dưới tác động của sự phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa và khoa học - kỹ thuật. Nhưng khác với Winkler, hai nhà XHH Ivanov và Fajzullin nêu rõ quan niệm của “*giới XHH Mác-Lênin*” về một số đặc điểm cơ bản của CCXH của thành phố xô-viết. *Thứ nhất* là sự phân hoá thành các nhóm xã hội trong nội bộ giai cấp công nhân, trí thức và viên chức. Ví dụ, theo Fajzullin, trong giai cấp công nhân có nhóm công nhân không có trình độ chuyên môn, nhóm công nhân trình độ thấp, nhóm công nhân trình độ cao và nhóm công nhân - trí thức⁶. *Thứ hai* là xu hướng biến đổi CCXH theo hướng đồng nhất xã hội với đặc trưng là sự xích lại gần nhau và sự xoá dần các khác biệt giữa các giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội. *Thứ ba* là sự di động xã hội được hiểu là sự di chuyển của những người lao động từ một giai cấp, một nhóm xã hội này sang một giai cấp, một nhóm xã hội hay một tầng lớp khác. Dưới tác động của sự tiến bộ khoa học - kỹ thuật và đô thị hoá, sự di động xã hội diễn ra theo “*chiều dọc*” và “*chiều ngang*”, di động xã hội giữa các thế hệ và trong nội bộ thế hệ, và giữa các thành thị và từ nông thôn ra thành thị. Sự di động này làm cho công nhân nông nghiệp xích lại công nhân công nghiệp, công nhân trí thức xích lại gần giới trí thức và được “*giới XHH Mác-Lênin*” mà đại diện tiêu biểu nhất lúc bấy giờ là giáo sư Ivanov coi là “*một bộ phận cấu thành quan trọng của quá trình hình thành cơ cấu xã hội phi giai cấp trong khuôn khổ lịch sử của chủ nghĩa xã hội phát triển*”⁷.

Như vậy là, qua 3 bài viết của tác giả người Đức và Liên Xô trên TCXHH, có thể thấy: quan niệm về “*cơ cấu xã hội*” với mặt tĩnh gồm các thành phần chủ yếu là giai

⁴ G. Winkler. *Sđd. Tr. 64.*

⁵ G. Winkler. *Sđd. Tr. 65.*

⁶ F.S. Fajzullin. “*Cơ cấu xã hội của thành phố xã hội chủ nghĩa*”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4, 1986. Tr. 84 - 85.

⁷ V.N. Ivanov. “*Các vấn đề cấp thiết của việc nghiên cứu xã hội học về cơ cấu xã hội xô-viết*”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 4, 1986. Tr. 68.

cấp công nhân, tầng lớp trí thức và viên chức và mặt động gồm sự di động và biến đổi xã hội dường như đã được du nhập thẳng từ xã hội công nghiệp hiện đại của Cộng hoà Dân chủ Đức và Liên Xô vào Việt Nam năm 1986 - năm khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đời sống kinh tế - xã hội ở nước ta.

Xác định đối tượng

Tất cả các bài về CCXH của các tác giả Việt Nam trên TCXHH số 4/1986 đều không trích dẫn một lần nào ba bài viết nêu trên. Nhưng chỉ riêng tên bài *Xã luận “Nghiên cứu về cơ cấu xã hội và chính sách xã hội là nhiệm vụ hàng đầu của xã hội học”*¹ cũng đủ để gợi nhớ đến sự ảnh hưởng của *Viện XHH và chính sách xã hội* do Winkler làm Viện trưởng ở Viện hàn lâm khoa học Cộng hoà Dân chủ Đức đối với cách xác định CCXH là đối tượng nghiên cứu XHH ở Việt Nam.

Tiếp sau bài Xã luận là sáu bài của các tác giả Việt Nam trong đó nêu rõ quan niệm sau đây: (i) coi CCXH không chỉ là đối tượng mà còn là nhiệm vụ hàng đầu của XHH²; (ii) nhấn mạnh vị trí và vai trò quyết định của CCXH giai cấp; (iii) luôn phê phán XHH tư sản là quá nhấn mạnh cơ cấu phân tầng xã hội mà không coi trọng cơ cấu giai cấp; (iv) bàn luận về CCXH để đặt vấn đề điều tra chứ chưa dựa vào bằng chứng thực nghiệm: cả 6 bài viết của tác giả Việt Nam đều hiếm khi nêu số liệu khảo sát hay nguồn dữ liệu cụ thể.

Dựa vào chủ nghĩa Mác-Lênin, các tác giả Việt Nam đã định nghĩa CCXH là: “tổng thể những bộ phận, những thành tố tạo nên một xã hội nhất định”, là “nội dung có tính chất *bản thể luận*, là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của các quan hệ xã hội”³. Mỗi một giai cấp, một tầng lớp xã hội cũng có CCXH của nó gồm các nhóm xã hội khác nhau về nguồn gốc xuất thân, và đặc điểm, tính chất lao động. Mỗi bộ phận của CCXH của xã hội đều có cơ cấu của nó, ví dụ: giai cấp nông dân có CCXH gồm nhiều thành phần khác nhau như nông dân trồng trọt và nông dân chăn nuôi, nông dân trong hợp tác xã và nông dân ngoài hợp tác xã. CCXH của giai cấp công nhân Việt Nam được đặt vấn đề là phải nghiên cứu ở mặt tĩnh gồm cơ cấu nhân khẩu - xã hội, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ chuyên môn, cơ cấu thành phần xuất thân và mặt động của nó gồm “tính cơ động xã hội” theo chiều ngang, chiều dọc và giữa các thể hệ công nhân⁴.

Từ quan niệm về CCXH của giới trí thức ở các nước XHCN, một số tác giả Việt Nam lúc bấy giờ đã tiếp thu được một số bài học quan trọng⁵: một là nắm chắc học thuyết Mác-Lênin về trí thức với tư cách là người lao động trí óc với trình độ chuyên

¹ Ban Biên tập. “Xã luận: Nghiên cứu về cơ cấu xã hội và chính sách xã hội là nhiệm vụ hàng đầu của xã hội học”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4/1986. Tr. 3-6.

² Ban Biên tập. “Xã hội học và nhiệm vụ nghiên cứu cơ cấu xã hội”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1986. Tr.112-113, 115.

³ Vũ Khiêu. “Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và những biến đổi thường xuyên của cơ cấu xã hội”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1986. Tr. 10.

⁴ Nguyễn Vũ. “Một số vấn đề nghiên cứu cơ cấu xã hội giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1986. Tr. 16 - 20.

⁵ Lê Phượng. “Vấn đề tìm hiểu cơ cấu xã hội của giới trí thức ở các nước xã hội chủ nghĩa”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1986. Tr. 106 - 108.

môn cao, hai là phê phán việc xem nhẹ bản chất xã hội thực tế của giới trí thức trong các học thuyết tư sản. ba là đặt vấn đề nghiên cứu thực nghiệm: tức là luận chứng cho sự cần thiết phải điều tra để nắm bắt các chỉ báo về vị trí, vai trò và sự biến đổi CCXH nghề nghiệp của trí thức trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, vào năm 1986 khi bàn về CCXH của giới trí thức Việt Nam thời nay một số tác giả mới chỉ nêu được một bằng chứng định lượng là “hơn 50% giới trí thức Việt Nam đang nằm trong khối khoa giáo”⁶. Nhưng phân tích định tính - lịch sử cho biết: CCXH của giới trí thức ngày xưa bao gồm ba nhóm chính: (i) những người hiền tài ra sức giúp dân cứu nước “Họ như những con chim hồng hạc bay bổng trên mây xanh”, (ii) những người đức rộng tài cao nhưng không làm gì được phải lánh đi như “những con hạc đen đi ẩn bên sườn núi” và (iii) những trí thức chỉ biết xu nịnh bề trên để có cuộc sống vinh thân phì gia như “những con chim hoàng yến quanh quẩn kiếm ăn ở cửa nhà quyền quý”⁷.

2. Từ lý luận đến khảo sát CCXH, giai đoạn 1987 - 1990

Trong giai đoạn ba năm này TCXHH đã đăng được 3 bài của tác giả nước ngoài và 12 bài của tác giả Việt Nam về CCXH. Trong nửa đầu năm 1987, TCXHH cho đăng một bài giới thiệu quan niệm XHH của Bungari về CCXH, nhờ vậy, giới XHH non trẻ của Việt Nam lần đầu tiên làm quen với một số nhà XHH tiêu biểu của Bungari như Todor Pavlov, V. Dobrijanov. Theo quan niệm XHH Bungari, CCXH của xã hội là hệ thống các mối tương tác giữa các thành phần cơ bản nhất, quy định bản chất và đặc điểm của một xã hội cụ thể. Cụ thể là năm thành phần: hoạt động sản xuất ra của cải vật chất, hoạt động tái sản xuất, hoạt động sản xuất của cải tinh thần, hoạt động quản lý và hoạt động giao tiếp⁸. Xuất phát từ mô hình lý thuyết này, các nhà XHH Bungari đã tiến hành nhiều cuộc điều tra quy mô lớn về CCXH ở thành thị - nông thôn và cho thấy, ví dụ, sự lớn mạnh của giai cấp công nhân và sự xích lại gần nhau giữa nông thôn và thành thị, tương tự như phát hiện của XHH Đức và Liên Xô trong cùng thời gian này. Sẽ không quá phóng đại khi nói rằng: XHH Bungari đã góp phần hình thành ở Việt Nam một “truyền thống” điều tra XHH với một phần tất yếu của nó là “mô hình khái niệm” hay “khung lý thuyết” mà thiếu nó người khảo sát thực tế sẽ chẳng khác gì “những người mù sờ voi”.

Trong cùng năm 1987, các nhà XHH Việt Nam có cơ hội tiếp nhận “*Những phương pháp xã hội học trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa*” qua bài viết cùng tên của nhà triết học là Filippov của Viện nghiên cứu XHH Liên Xô. Về mặt lý luận, lần đầu tiên khái niệm CCXH được xét trên ba cấp độ ý nghĩa: “rộng tối đa” của toàn thể xã hội, “hẹp hơn” của tổng thể các nhóm xã hội và “chặt chẽ nhất” là cơ cấu giai cấp - xã hội⁹. Về mặt phương pháp luận, quan niệm XHH

⁶ Vũ Khiêu (1986). “Cơ cấu xã hội và sứ mệnh lịch sử của người trí thức Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1986. Tr. 35.

⁷ Cách gọi tên ba loại trí thức thời xưa của Cao Bá Quát, trích theo Vũ Khiêu. “Cơ cấu xã hội của giới trí thức Việt Nam thời xưa”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1986. Tr.105.

⁸ Đặng Cảnh Khanh. “Vấn đề nghiên cứu cơ cấu xã hội ở Bungari và ý nghĩa thực tế của nó”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1+2. 1987. Tr. 56 - 57.

⁹ F.R. Filippov. “*Những phương pháp xã hội học trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa*”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3+4. 1987. Tr. 79.

Liên Xô về CCXH đòi hỏi người nghiên cứu phải tuân theo nguyên tắc “đi từ phân tích thành phần xã hội của cư dân đến phân tích các quan hệ xã hội”¹⁰ và phải “chuyển những khái niệm lý luận chung thành những chỉ báo thực nghiệm”¹¹ để có thể điều tra những mặt cụ thể, chi tiết của mỗi giai cấp, mỗi nhóm xã hội và mối quan hệ xã hội của CCXH.

Cùng với 2 bài “du nhập” lý luận CCXH của Bungari và Liên Xô, TCXHH năm 1987 còn đăng 2 bài của tác giả Việt Nam về CCXH của giai cấp công nhân và CCXH ở nông thôn miền núi. Cả hai bài này không trích dẫn cơ sở lý luận mà phân tích cơ cấu xuất thân, ngành nghề, tuổi, giới tính của hai thành phần xã hội rất khác nhau về không gian và thời gian: một là cơ cấu công nhân trước khi thống nhất đất nước (1975) và hai là cơ cấu nông dân ở miền núi trong những năm ngay trước Đổi mới (1986). Ví dụ, điều tra CCXH của nông dân miền núi phía Bắc lúc bấy giờ cho biết¹²: gần 89% là lao động giản đơn và số còn lại hơn 10% lao động có trình độ chuyên môn, nhưng cũng ở mức độ thấp; về học vấn: hơn 16% nông dân không biết chữ, gần 16% biết đọc biết viết, hơn 36% cấp I (tiểu học), gần 30% cấp II (THCS), gần 4% cấp III (THPT); hơn 80% hộ gia đình ở nông thôn không có một cuốn sách nào và số còn lại khoảng 20% có từ 1 đến 5 cuốn sách.

Về CCXH nông thôn, hai bài viết trên TCXHH năm 1988 cho biết tác động mạnh mẽ của hơn 25 năm hợp tác hoá ở miền Bắc và hơn 10 năm cải tạo XHCN ở miền Nam: đó là sự hình thành một CCXH gồm bốn thành phần là (i) nông dân tập thể; (ii) người làm tiểu thủ công nghiệp; (iii) người làm quản lý hành chính, kỹ thuật, giáo viên, bác sỹ, thương nghiệp, dịch vụ và (iv) những người “còn làm ăn cá thể ở nông thôn”¹³. Riêng ở phía Bắc, CCXH nông thôn đã đổi mới và tạo nên ba nhóm, về nghề nghiệp là: (i) nhóm nông dân làm nông nghiệp thuần túy, (ii) nhóm làm nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp và (iii) nhóm làm nông nghiệp với dịch vụ¹⁴; về mức thu nhập có nhóm thiếu ăn, đủ ăn và thừa ăn; về tính chất sản xuất cũng có ba nhóm là nhóm phát triển mạnh kinh tế hàng hoá, nhóm mới phát triển và nhóm chưa phát triển kinh tế hàng hoá.

Năm 1989 chỉ có 1 bài của tác giả nước ngoài giới thiệu phương pháp luận nghiên cứu và 4 bài của tác giả Việt Nam phân tích kết quả khảo sát về CCXH ở cấp độ vi mô, trong đó 2 bài về nông thôn, 1 bài về công nhân, 1 bài về trí thức. Không còn phê phán XHH tư sản như trước, quan niệm về CCXH trong thời gian này chuyển sang “tự phê bình”, tức là tự phê phán “những định đề có sẵn rút ra từ sách, những công thức đã được học thuộc lòng...có “đeo chân cho vừa giày”, gán ghép và tân trang

¹⁰ F.R. Filippov. *Sđd.* Tr. 80.

¹¹ F.R. Filippov. *Sđd.* Tr. 81.

¹² Nguyễn Văn Huy. “Một số suy nghĩ về cơ cấu xã hội và việc hình thành lối sống mới ở nông thôn miền núi”. *Tạp chí Xã hội học.* Số 1+2. 1987. Tr. 23, 24. Xem thêm Nguyễn Xuân Mai. “Góp phần nghiên cứu cơ cấu xã hội giai cấp công nhân Việt Nam trước năm 1975”. *Tạp chí Xã hội học.* Số 1+2. 1987. Tr. 6-10.

¹³ Hồng Cảnh. “Cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự biến đổi cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học.* Số 1+2. 1988. Tr. 26.

¹⁴ Đặng Cảnh Khanh. “Những suy nghĩ bước đầu qua việc khảo sát thực trạng cơ cấu xã hội một vùng nông thôn”. *Tạp chí Xã hội học.* Số 3+4. 1988. Tr. 59.

cho đời sống hiện hiện thực....”¹⁵ mà không tìm hiểu thực tế cuộc sống sôi động. Ở nông thôn phía Bắc, đã diễn ra sự biến đổi từ kiểu CCXH bình quân chủ nghĩa, chia đều sự nghèo khổ, “dàn hàng ngang” sang kiểu CCXH hình thoi với “những bộ phận tinh hoa được sàng lọc trong quá trình vận động thực tiễn để họ có điều kiện phát huy sức mạnh, lôi kéo cả đội hình đi tới”¹⁶. Về phương pháp, các cuộc khảo sát CCXH ở nông thôn tập trung vào phân tích những chỉ báo chi tiết, sống động như quy mô hộ gia đình, số thế hệ, nguồn gốc và quy mô đất canh tác, công cụ lao động, nguồn thu nhập của hộ gia đình nông dân¹⁷. Về quan niệm, một số tác giả Việt Nam sử dụng thuật ngữ “nhóm tinh hoa” mà sau này được gọi là “nhóm vượt trội”, “nhóm ưu trội” trong CCXH đặc trưng cho thời kỳ Đổi mới.

Có thể nói năm 1989 đánh dấu một bước phát triển quan trọng của tư duy phê phán về CCXH giai cấp theo tinh thần đổi mới tư duy về phát triển kinh tế nhiều thành phần. Điều này thể hiện rõ ở việc phê phán “những nhận thức giản đơn về CNXH và quan điểm duy ý chí về một giai cấp công nhân Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹⁸ đặc trưng cho thời kỳ trước năm 1986. Năm 1989, CCXH giai cấp được nhận thức một cách biện chứng khách quan phản ánh một thực tế đa dạng và biến đổi theo hướng không đồng nhất trong nội bộ giai cấp. Ví dụ, cơ cấu giai cấp công nhân Việt Nam bao gồm, về thành phần kinh tế: các công nhân trong xí nghiệp quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, tư nhân và nước ngoài; về tay nghề: đa số công nhân thuộc bậc nghề thấp, bình quân bậc thợ là 3,3/7, chỉ có gần 2% là thợ bậc 7; năm 1988 chỉ có 7.7% công nhân là đảng viên¹⁹. CCXH của tầng lớp trí thức lúc bấy giờ được đánh giá là “mỏng, thiếu về số lượng, yếu về chất lượng và thiếu đồng bộ về cơ cấu ngành nghề”²⁰. Ví dụ, năm 1986 trong tổng số cán bộ khoa học và kỹ thuật có hơn 400 nghìn người có trình độ đại học và hơn 5 nghìn tiến sỹ, phó tiến sỹ. Trong số cán bộ trên đại học, 33% cán bộ thuộc khoa học tự nhiên, 34% khoa học kỹ thuật, 21% khoa học xã hội, 6.3% khoa học nông nghiệp và số còn lại thuộc lĩnh vực khác trong đó có y - được²¹.

Cuối năm 1989, lần đầu tiên qua TCXHH, bạn đọc Việt Nam được tiếp cận một số quan niệm XHH tư sản trong bài viết có tính phê phán của S.N. Eisenstadt. Thuyết hệ thống xã hội của Parsons, thuyết cấu trúc hoá của Giddens, thuyết cấu trúc luận của Levi-Strauss, thuyết tương tác biểu trưng của Blumer, phương pháp luận dân tộc học của Cicourel và Garfinkel, thuyết đóng vai của Goffman, lý thuyết của Simmel, Merton, Blau, Boudon và một số cách tiếp cận khác đều bị Eisenstadt phê phán không

¹⁵ Tương Lai. “Những vấn đề của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Bắc Bộ”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1989. Tr.14.

¹⁶ Tương Lai (1989). *Sđd*. Tr. 15.

¹⁷ Đỗ Thái Đông. “Những vấn đề cơ cấu xã hội và sự phát triển ở một xã nông thôn Nam Bộ”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1989. Tr. 48 - 59.

¹⁸ Đỗ Nguyên Phương. “Thực trạng cơ cấu xã hội giai cấp công nhân Việt Nam và những xu hướng phát triển”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1989. Tr. 3 - 10.

¹⁹ Đỗ Nguyên Phương. *Sđd*. Tr. 6.

²⁰ Nguyễn Duy Quý. “Về quá trình vận động và biến đổi cơ cấu xã hội tầng lớp trí thức Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3. 1989. Tr. 13.

²¹ Nguyễn Duy Quý. *Sđd*. Tr. 12, 13.

phải vì xem nhẹ CCXH giai cấp mà vì sự tách rời phân tích văn hoá với phân tích CCXH. Eisenstadt đề xuất phải kết hợp hai loại phân tích này đồng thời phải xem xét CCXH trên các cấp độ từ vi mô đến vĩ mô, ví dụ từ những “cấu trúc sâu kín” trong đầu óc con người, đến “những bản đồ ngữ nghĩa” của truyền thống đóng vai trò tiền đề cho sự hình thành và tái tạo xã hội và những thiết chế phân phối và kiểm soát các nguồn lực trong xã hội²².

Bốn bài trên TCXHH số 4/1990 đều phân tích kết quả điều tra CCXH ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ và làm rõ mấy điểm sau đây: *một là* trong cái gọi là “mô hình tiến hoá tự nhiên”²³ của nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá đã diễn ra sự phân hoá xã hội về mặt thu nhập tạo thành nhóm hộ giàu, trung bình và nghèo với tỉ lệ tương ứng là 10%, 80% và 10%. *Hai là* “CCXH nông thôn kiểu cũ” đặc trưng cho thời kỳ kinh tế tập thể biến đổi dần sang “CCXH nông thôn kiểu mới” đặc trưng cho kinh tế nhiều thành phần. *Ba là* CCXH nông thôn được phân tích ở cấp hộ gia đình và cấp làng, xã và ở cấp độ nào CCXH cũng phân hoá thành ba nhóm: (i) nhóm vượt trội, chủ động, giàu có; (ii) nhóm trung bình đủ ăn và (iii) nhóm yếu kém, thụ động, nghèo khổ, thiếu ăn. Tháp phân tầng ba nhóm này có thể biến thành tháp phân cực, tức là “tháp phân tầng xã hội vượt trội - yếu kém, giàu có - nghèo khổ”²⁴. Nguyên nhân của sự phân hoá này ở cấp hộ gia đình là năng lực tự chủ sản xuất - kinh doanh hàng hoá và ở cấp làng, xã là năng lực liên doanh, liên kết kinh tế. *Bốn là*, theo ngành nghề, CCXH nông thôn phân hoá thành nhóm hộ thuần nông nghiệp, hộ nông nghiệp hỗn hợp và hộ chuyên phi nông nghiệp, mà mỗi nhóm này lại tiếp tục bị phân hoá thành nhiều nhóm khác, ví dụ hộ nông nghiệp hỗn hợp với tiểu thủ công nghiệp, với dịch vụ buôn bán và với tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ buôn bán và bị phân tầng thành hộ vượt trội và hộ yếu kém.

Như để tổng kết thực tiễn 10 năm điều tra XHH về CCXH, TCXHH số ra cuối năm 1990 có bài chuyên đề²⁵ về khái niệm CCXH trong đó có lẽ lần đầu tiên thừa nhận “CCXH” là khái niệm du nhập của nước ngoài vào Việt Nam, ghi chú theo nguyên gốc tiếng Anh là “Structure” và được trích dịch theo Từ điển bách khoa Liên Xô, 1982. Tuy không nêu được định nghĩa nào rõ ràng về khái niệm CCXH nhưng một số nội dung của nó đã được diễn giải theo quan niệm XHH của một số tác giả nổi tiếng như Durkheim, Simmel, Dumont, Firth, ví dụ²⁶: “CCXH là tổ chức xã hội”, là hình thái xã hội. Từ đó đặt ra yêu cầu là: một mặt, cần phân tích nhóm yếu tố cơ cấu như vai trò, địa vị, quyền lực, uy tín và “màng lưới các quan hệ xã hội”; mặt khác, cần kết hợp

²² S.N.Eisenstadt. “Sự kết hợp giữa phân tích văn hoá và phân tích cơ cấu xã hội”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1989. Tr. 81,84.

²³ Vũ Tuấn Anh. “Về sự chuyển biến cơ cấu xã hội và định hướng giá trị ở nông thôn trong quá trình đổi mới kinh tế”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1990. Tr. 9, 11. Xem thêm Đỗ Minh Cương. “Đổi mới kinh tế - những chuyển đổi về cơ cấu xã hội và định hướng giá trị ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1990. Tr. 47 - 50.

²⁴ Tô Duy Hợp. “Về thực trạng và xu hướng chuyển đổi cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1990. Tr. 18.

²⁵ Ngô Thành. “Suy nghĩ về khái niệm “cơ cấu xã hội” trong nghiên cứu xã hội học”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1990. Tr. 54 - 57.

²⁶ Ngô Thành. *Sđd*. Tr. 56.

với phân tích nhóm yếu tố văn hoá như giá trị, chân lý, mục tiêu, chuẩn mực. Về phương pháp, nghiên cứu CCXH được đề xuất thực hiện trên cấp độ vĩ mô, trên diện rộng của tỉnh, huyện, xã dựa vào thống kê để nắm chắc cơ cấu thu nhập, nghề nghiệp, tuổi, giới tính, dân cư; nhưng trên cấp độ vi mô, nghiên cứu cụ thể phải dựa vào tri thức XHH và do nhà XHH thực hiện để làm sáng tỏ những yếu tố cơ cấu.

3. Từ CCXH nghề nghiệp sang CCXH phân tầng, giai đoạn 1991 - 1995

Lần đầu tiên trên TCXHH (số 1/1991) xuất hiện khái niệm “cơ cấu xã hội - văn hoá” như là kết quả của việc kết hợp phân tích CCXH với văn hoá và sự khác phục “chủ nghĩa giáo điều” trong việc nhận diện và phát huy những yếu tố đa dạng, phong phú của các tầng lớp xã hội như các nhà kinh doanh, tiểu chủ, trí thức và những nguồn gốc văn hoá truyền thống cùng những biểu hiện mới của giao lưu văn hoá Bắc Nam, Đông Tây²⁷.

Dưới tác động của đổi mới cơ chế quản lý từ khoán sản đến khoán hộ, CCXH nông thôn đã phân hoá thành các nhóm xã hội khác nhau về nghề nghiệp, tư liệu sản xuất và mức độ tham gia vào phân công lao động xã hội kể cả quản lý, dẫn đến phân hoá về mức sống, thu nhập và năng lực phát triển²⁸. Trên cả ba cấp độ từ hộ gia đình đến dòng họ và làng, xã đều phát hiện thấy CCXH “giai cấp nông dân tập thể kiểu bình quân cộng đồng”²⁹ đã bị phân hoá thành CCXH gồm các nhóm giàu, khá giả, trung bình, nghèo và rất nghèo và đó là kết quả của sự phân hoá các yếu tố sản xuất, ví dụ về lao động - nghề nghiệp những hộ giàu thường là hộ chuyên ngành nghề và hộ nghèo thường là hộ thuần nông³⁰.

Một bài viết về CCXH giai cấp công nhân Việt Nam năm 1992 cũng cho biết sự biến đổi, ví dụ, về di động giữa các thế hệ, chỉ có khoảng 10% gia đình có ba đời công nhân, trong khi đó chỉ hơn 15% công nhân muốn con trai theo nghề của mình, gần 15% muốn con trai là công nhân nhưng theo nghề khác và gần 60% muốn con trai trở thành trí thức³¹.

Trên TCXHH cuối năm 1992, xuất hiện một bài phân tích XHH về CCXH của tác giả Việt Nam, trong đó định nghĩa CCXH là “kết cấu và hình thức tổ chức bên trong của một hệ thống xã hội nhất định. Biểu hiện như là sự thống nhất tương đối bền vững của những nhân tố, những mối liên hệ, những thành phần cơ bản nhất của hệ thống xã hội đó... Những thành phần cơ bản nhất của cơ cấu xã hội là vị thế, vai trò, nhóm và các thiết chế”³². Đây là quan niệm mới về CCXH, trong đó nêu rõ cơ sở lý

²⁷ Đỗ Thái Đông. “Cơ cấu xã hội - văn hoá ở Miền Nam: nhìn theo mục tiêu phát triển của cả nước”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1991.

²⁸ “Sự chuyển đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong điều kiện kinh tế mới”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1991. *Tương Lại*: Tr. 22 - 40.

²⁹ “Sự chuyển đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong điều kiện kinh tế mới”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1991. *Phạm Như Cương*: Tr. 54.

³⁰ Tô Duy Hợp. “Định hướng tiến bộ của sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ ngày nay”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1992. Tr. 24 - 29.

³¹ Nguyễn Hữu Minh. “Nghiên cứu giai cấp công nhân Việt Nam từ hướng tiếp cận cơ cấu xã hội - Một số vấn đề đáng quan tâm”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1992. Tr. 15-16, 22-23.

³² Nguyễn Đình Tấn. “Phân tích cơ cấu xã hội từ giác độ xã hội học”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1992. Tr. 70.

luận là sự kế thừa một cách hợp lý cả hai lý thuyết của XHH Liên Xô năm 1983 và XHH Mỹ năm 1987, chứ không phải là sự phê phán, phủ nhận một lý thuyết này và tán dương, áp đặt một lý thuyết khác như trước kia. Khác với cách tiếp cận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa xã hội khoa học và triết học về CCXH chủ yếu nhấn mạnh cơ cấu giai cấp, quan niệm XHH về CCXH được xây dựng trên cơ sở của thuyết mâu thuẫn, thuyết chức năng và thuyết dung hoà để nói về mặt tĩnh gồm các thành phần xã hội và mặt động gồm các mối liên hệ, quan hệ xã hội tạo thành chỉnh thể hệ thống xã hội. Theo quan niệm này “CCXH phân tầng” được coi là nhiệm vụ hàng đầu của nghiên cứu XHH về CCXH.

Tuy nhiên, những vấn đề lý luận này phải đợi đến năm 1993 mới được kiểm chứng qua một bài viết lần đầu tiên sử dụng khái niệm “phân tầng xã hội” trong tên gọi của nó³³. Kết quả điều tra 700 nông hộ ở một vùng nông thôn Nam Bộ đã chỉ ra một CCXH phân tầng bao gồm 7.3% hộ khá giả, 74.1% hộ trung bình và 18.6% hộ nghèo khổ; xét kỹ vùng này có đến gần 63% tổng số hộ thu nhập dưới mức bình quân trong đó tỉ lệ nghèo tuyệt đối gần 19%. Trái với quan niệm cũ thường đổ lỗi cho mặt trái của cơ chế thị trường khi giải thích sự phân hoá giàu nghèo, quan niệm mới về CCXH phân tầng chỉ ra nguyên nhân chủ yếu là do nền kinh tế hàng hoá chưa phát triển cao trong nông nghiệp, từ đó gợi ra sự cần thiết phải có những chính sách mới khuyến khích làm giàu, đồng thời tạo điều kiện xoá đói, giảm nghèo.

Đến cuối năm 1993, CCXH nông thôn mới được định nghĩa là³⁴: “hệ thống các quan hệ xã hội và hoạt động xã hội ở địa bàn nông thôn” và được xem xét trong bộ khung lý luận gồm ba phạm trù (i) xã hội truyền thống, (ii) xã hội quá độ kiểu mới và (iii) xã hội hiện đại hoá kiểu mới. Xu hướng biến đổi CCXH nông thôn từ xã hội truyền thống sang xã hội kiểu mới được phát hiện là rất phức tạp, phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố kinh tế như mức độ phi nông hoá, thị trường hoá và yếu tố chính trị, văn hoá như quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh những gì mà Nhà nước không cấm.

Cả năm 1994, TCXHH đăng được 1 bài của tác giả nước ngoài chỉ sử dụng một lần khái niệm “CCXH” ở đầu đề, nhưng toàn bộ nội dung lại cho thấy CCXH như là một phương pháp tiếp cận để xem xét các “kiểu xã hội” với những biến số xã hội ảnh hưởng tới mức sinh³⁵. Ví dụ, tuổi kết hôn sớm, tỉ lệ kết hôn cao và ít sử dụng các biện pháp tránh thai trong kiểu xã hội tiền công nghiệp, chậm phát triển là những biến làm cho mức sinh của xã hội này cao hơn mức sinh ở kiểu xã hội công nghiệp phát triển, nơi phổ biến tình trạng kết hôn muộn và sử dụng rộng rãi các biện pháp tránh thai.

Quan niệm hệ thống về sự biến đổi CCXH nông thôn từ kiểu cũ sang kiểu mới nêu ra năm 1993 đến năm 1995 mới được kiểm chứng ở sự biến đổi CCXH lao động-nghề nghiệp và tác động của nó đến sự phân tầng về mức sống. Kết quả khảo sát lúc

³³ Nguyễn Công Bình. “Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Nam Bộ”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3. 1993. Tr. 36.

³⁴ Tô Duy Hợp. “Thực trạng và xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội nông thôn trong thời kỳ đổi mới hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1993. Tr. 18-19.

³⁵ Kingsley Davis, Judith Plaki (Nguyễn Thị Hương dịch). “Cơ cấu xã hội và mức sinh: một dạng phân tích”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1994. Tr. 78 - 83.

bấy giờ cho biết³⁶: ví dụ, ở xã chuyên phi nông (làng nghề) có mức thu nhập bình quân đầu người cao gấp hơn 8 lần so với làng, xã thuần nông nghiệp; Trong nhóm hộ phi nông, khoảng 8% hộ có mức sống giàu, trong khi nhóm hỗn hợp nghề nghiệp có 3.3% và nhóm hộ thuần nông chỉ có 0.5% hộ giàu. Nhưng nhóm hộ thuần nông có hơn 20% hộ nghèo đói, nhóm hộ hỗn hợp nghề có 7% và nhóm hộ phi nông không có hộ nào bị nghèo đói. Cuộc khảo sát ở nông thôn ngoại thành Tp.Hồ Chí Minh cũng cho biết³⁷: CCXH giai cấp nông dân tập thể đã phân hoá thành CCXH nghề nghiệp gồm nhóm thuần nông chiếm hơn 70% tổng số hộ, nhóm hỗn hợp nông nghiệp chiếm khoảng 22% và nhóm chuyên phi nông chiếm khoảng 8%.

CCXH không chỉ là đối tượng nghiên cứu XHH mà còn là phương pháp XHH được dùng để phân tích hiện tượng dân số học như mức sinh và nhóm xã hội đặc thù là quân nhân. Một bài trên TCXHH năm 1995 cho biết³⁸: là một thành tố tạo nên CCXH của cả xã hội Việt Nam, nhóm quân nhân có CCXH của nó, ví dụ, cơ cấu đội ngũ sĩ quan gồm khoảng 75% sĩ quan xuất thân từ nông thôn, nhưng gần 60% sĩ quan có gia đình vợ con sống ở thành thị và điều này khó tránh khỏi dẫn đến sự phân tầng theo mức sống.

4. CCXH lao động - nghề nghiệp: Củng cố và lắng đọng, giai đoạn 1996 - 2000

Cả năm 1996, TCXHH chỉ đăng được 1 bài về CCXH lao động nghề nghiệp ở đồng bằng Bắc Bộ trong đó nhấn mạnh thực trạng đa dạng hoá các nhóm xã hội theo nghề nghiệp ở nông thôn và xu hướng phi nông hoá CCXH ở nông thôn³⁹. Xu hướng này được củng cố bởi sự định hướng mạnh mẽ nghề nghiệp phi nông ở con cái trong các hộ gia đình nông dân và chính sách đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Trên TCXHH, khái niệm CCXH giai cấp công nhân xuất hiện năm 1986 sớm hơn một năm so với CCXH nông thôn (1987), nhưng số lượng bài về CCXH giai cấp công nhân chỉ bằng một phần ba (5 bài) so với số lượng bài về CCXH ở nông thôn (15 bài nhưng không một bài nào gọi đúng tên là CCXH giai cấp nông dân). Bài thứ 5 xuất hiện gần đây nhất trên TCXHH số 3/1998 cho biết đa số nguồn bổ sung cho đội ngũ công nhân Việt Nam làm việc tại doanh nghiệp là từ học sinh phổ thông và học sinh trường nghề và tỉ lệ nguồn từ nông dân là rất ít (chỉ gần 3.5%), đồng thời gần một phần ba công nhân thay đổi 1-3 lần nghề nghiệp trong vòng 6 năm⁴⁰. Điều này chứng tỏ xu hướng biến đổi CCXH giai cấp công nhân nói riêng và CCXH nghề nghiệp nói chung ở cả nông thôn và thành thị chủ yếu phụ thuộc vào sự lựa chọn và sự di động nghề nghiệp của nguồn nhân lực trẻ, chứ không phải từ việc chuyển dịch cơ cấu kinh

³⁶ Tô Duy Hợp. “Tìm hiểu về sự thay đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1995. Tr. 45 - 47, 49.

³⁷ Nguyễn Minh Hoà. “Trao đổi về sự chuyển đổi cơ cấu xã hội”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1995. Tr. 60.

³⁸ Phạm Xuân Hảo. “Một số kết quả bước đầu của việc vận dụng phương pháp tiếp cận cơ cấu xã hội để phân tích nhóm sĩ quan quân đội”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1. 1995. Tr. 68 - 70.

³⁹ Lê Phương. “Vài nét về thực trạng và xu hướng chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở đồng bằng Bắc Bộ trong thời kỳ đổi mới”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 1996. Tr. 19 - 34.

⁴⁰ Trương Xuân Trường. “Một số vấn đề cơ cấu xã hội - nghề nghiệp của đội ngũ công nhân lao động Hải Phòng hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3. 1998. Tr. 90-97.

tế theo kiểu nông dân chuyển sang làm công nhân. Có thể coi giai đoạn 5 năm (1996 - 2000) với hai bài về CCXH lao động - nghề nghiệp là giai đoạn củng cố, lắng đọng quan niệm về thực trạng và xu hướng biến đổi CCXH đã phát hiện trong những giai đoạn trước.

5. Từ CCXH đến cấu trúc xã hội: “thà ít mà tốt”, giai đoạn 2001 - 2009

Mãi đến cuối năm 2001 mới xuất hiện một bài viết⁴¹ có tính chất tổng kết thực tiễn, dù là sơ bộ về sự biến đổi CCXH - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ kinh tế thị trường định hướng XHCN. Lần đầu tiên CCXH được xem xét trên cơ sở ba hệ thống lý luận: (i) học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội, (ii) lý thuyết của Weber về cơ cấu phân tầng xã hội dựa vào tài sản, quyền lực, vị thế xã hội và (iii) tư tưởng Hồ Chí Minh về những đặc thù của xã hội Việt Nam. Từ đó thấy rõ xu hướng biến đổi của CCXH giai cấp “thuần nhất” với hai giai cấp (công nhân, nông dân) và một tầng lớp (trí thức) sang CCXH - giai cấp đa dạng, phức tạp. Trên thực tế, CCXH bao gồm: (i) giai cấp công nhân biến đổi theo hướng thành phần công nhân nhà nước giảm và công nhân khu vực ngoài nhà nước tăng; (ii) giai cấp nông dân biến đổi theo hướng các hộ nông dân trở thành các đơn vị kinh tế tự chủ và đa dạng hoá nghề nghiệp; (iii) tầng lớp trí thức phát triển cả số lượng và trình độ chuyên môn mặc dù thiếu đồng bộ và cân đối ngành nghề; (iv) tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ không còn là “đối tượng cải tạo XHCN” mà được phục hồi và trở nên tích cực, năng động; (v) tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân bắt đầu phát triển mạnh từ khi có Luật công ty và doanh nghiệp tư nhân (1990) và (vi) cần phải phát hiện và đấu tranh chống thành phần thứ 6 là nhóm người làm giàu phi pháp gây cản trở đổi mới đất nước.

Qua năm 2002 đến cuối năm 2003 mới xuất hiện cách đặt vấn đề áp dụng cách phân tích hai chiều⁴²: cơ cấu - chức năng và lịch đại để tìm hiểu về văn hoá gia đình. Theo chiều cơ cấu - chức năng, gia đình là một xã hội thu nhỏ đóng vai trò nền tảng cơ bản cho cả hệ cơ cấu ba cực gồm cá nhân - gia đình - cộng đồng xã hội. Theo chiều lịch đại, gia đình nói riêng và cả cơ cấu chức năng cá nhân - gia đình - cộng đồng xã hội đều biến đổi dưới tác động của các điều kiện kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, gia đình với cơ cấu - chức năng bền chặt luôn biến đổi chậm chạp thậm chí là trì trệ so với những biến đổi xã hội. Do vậy, gia đình có chức năng bảo tồn, duy trì, giáo dục những giá trị văn hoá truyền thống, đồng thời tiếp biến những gì hiện đại và văn minh của xã hội. Đáng chú ý là bài này đã 5 lần sử dụng thuật ngữ “cấu trúc xã hội” thay cho thuật ngữ “CCXH”.

Đến năm 2005 trên TCXHH mới xuất hiện một bài viết nêu rõ những đóng góp lý luận và thực tiễn về khái niệm CCXH. Ví dụ, năm 1992 định nghĩa CCXH cho biết thành phần cơ bản của nó là “vị thế, vai trò, nhóm và các thiết chế”, đến năm 2005 những thành phần của CCXH được làm rõ là “nhóm với vị thế, vai trò xã hội, mạng

⁴¹ Phạm Xuân Nam. “Mấy nét sơ bộ về sự biến đổi cơ cấu xã hội-giai cấp ở nước ta khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 2001. Tr. 3-13.

⁴² Đặng Cảnh Khanh. “Văn hoá gia đình trong các chiều cạnh của cơ cấu xã hội”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4. 2003. Tr. 29-37.

lưới xã hội và các thiết chế”⁴³. Với việc làm rõ vị trí và vai trò của thành phần “nhóm”, định nghĩa năm 2005 được cho là đã khắc phục được cách xem xét cứng nhắc của Đô Bơ Ri-a-nốp về CCXH. Kế thừa quan niệm của W.E.Thompson và J.V Hickey về CCXH, quan niệm mới năm 2005 bổ sung thành phần “mạng lưới xã hội”⁴⁴, nhờ vậy đã khắc phục được tình trạng xem nhẹ yếu tố quan hệ xã hội của những quan niệm cũ về CCXH. Cần ghi nhận một đóng góp nữa, đó là việc phân tích khái niệm “phân tầng xã hội” thành hai khái niệm là “phân tầng xã hội hợp thức và phân tầng xã hội không hợp thức” phù hợp với đổi mới kinh tế - xã hội Việt Nam. PTXH không hợp thức biểu hiện sự bất hợp pháp, bất công, bất hợp lý của CCXH cần phải đấu tranh đầy lùi để củng cố và phát triển CCXH dựa trên sự PTXH hợp thức theo nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”, đồng thời khuyến khích làm giàu và xoá đói, giảm nghèo.

Bốn năm sau, đến TCXHH số 2 năm 2009 mới xuất hiện một bài viết lần đầu tiên sử dụng thuật ngữ “cấu trúc xã hội” trong đầu đề như là để nhấn mạnh rằng cấu trúc xã hội là thuộc tính và quá trình vận động của bất kỳ một hệ thống xã hội nào⁴⁵. Đó là bài giới thiệu có tính chất phê phán thuyết cấu trúc hoá của A.Giddens để từ đó đặt ra yêu cầu nâng cao tầm nghiên cứu lý luận và thực nghiệm về cấu trúc xã hội cả ở trạng thái “tĩnh tại” của các thành phần và mối quan hệ của chúng và cả trạng thái “sinh động” của sự hình thành, biến đổi, phát triển tức là quá trình cấu trúc hoá xã hội. Như vậy, trong giai đoạn 2001 - 2009, TCXHH chỉ đăng được rất ít - 4 bài, nhưng đều là những bài có giá trị tổng kết thực tiễn và nâng tầm lý luận cho nghiên cứu XHH về CCXH cho giai đoạn tiếp theo.

Tóm lại, qua phân tích 43 bài được chọn lọc từ TCXHH có thể tóm tắt diễn biến của 12 khái niệm CCXH trong khung thời gian và lý thuyết - thực nghiệm (xem sơ đồ). Chiều dài mũi tên chỉ quãng thời gian giữa hai lần xuất hiện đầu và cuối của khái niệm. Năm 1986 lần đầu tiên xuất hiện khái niệm “CCXH của xã hội”, “CCXH thành phố”, “CCXH giai cấp công nhân” và “CCXH giới trí thức” trong tên các bài viết trên TCXHH. Theo thời gian, những khái niệm này được tiếp tục phân tích rồi tạm dừng và những khái niệm mới xuất hiện. Ví dụ, “CCXH giai cấp công nhân” ra mắt lần đầu năm 1986 và lần cuối vào năm 1998; “CCXH giới trí thức” xuất hiện lần đầu năm 1986 và lần cuối năm 1989; “CCXH” với tư cách là một khái niệm khoa học có tính độc lập xuất hiện lần đầu vào năm 1990 và lần thứ hai năm 1992.

Sơ đồ cũng cho thấy: các nghiên cứu thực nghiệm về CCXH tập trung vào giai đoạn 10 năm (1986 - 1996) và các nghiên cứu lý thuyết không chỉ ít, chậm mà còn không đều đặn. Vậy là, hơn 20 năm qua, từ khái niệm du nhập, “CCXH” đã được coi là đối tượng của XHH, được điều tra, khảo sát, phân tích, tổng hợp và đến nay có xu hướng chuyển sang sử dụng khái niệm “cấu trúc xã hội” để phản ánh đầy đủ và chính xác hơn các kiểu quan hệ giữa con người và xã hội; biểu hiện ra là các hệ thống xã hội

⁴³ Nguyễn Đình Tấn. “Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội - những đóng góp về mặt lý luận và ứng dụng thực tiễn”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3. 2005. Tr. 26.

⁴⁴ Nguyễn Đình Tấn (2005). *Sđd*. Tr. 28, 29.

⁴⁵ Lê Ngọc Hùng. *Sđd*.

được cấu trúc hoá từ các giai tầng, các nhóm, các thành tố và mối quan hệ của chúng tạo nên xã hội Việt Nam đang trên đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thế giới.

